



**BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH®**

KHOA XÉT NGHIỆM

215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh; ĐT: (028) 3952 5618

Thấu hiểu nỗi đau - Niềm tin của bạn

Sở tay khách hàng **KHOA XÉT NGHIỆM**



Giới thiệu khoa Xét nghiệm Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh "Chính xác - Tin cậy - Kịp thời"

Bệnh viện Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh (BV ĐHYD) là một trong những bệnh viện đa khoa hạng I hàng đầu phía Nam với tầm nhìn trở thành bệnh viện đại học dẫn đầu Việt Nam và đạt chuẩn quốc tế.

Với sứ mệnh mang đến giải pháp chăm sóc sức khỏe tối ưu từ sự tích hợp giữa điều trị, nghiên cứu và đào tạo, Bệnh viện luôn duy trì, phát huy các giá trị cốt lõi “Tiên phong – Thấu hiểu – Chuẩn mực – An toàn”. Đến nay, Bệnh viện đã phát triển hệ thống đa khoa hoàn chỉnh, phối hợp đa mô thức trong điều trị, nghiên cứu nhiều đề tài khoa học mang tính ứng dụng cao, đào tạo thực hành cho nhiều học viên trong nước, quốc tế và ứng dụng công nghệ quản trị bệnh viện hiện đại.

Bệnh viện phát triển hệ thống gồm 3 cơ sở, 1.000 giường bệnh, 128 phòng khám ngoại trú. Bệnh viện quy tụ 100 Giáo sư, Phó giáo sư, chuyên gia đầu ngành hơn 3.000 cán bộ y tế. Mỗi năm, Bệnh viện tiếp nhận trung bình 2,5 triệu lượt người đến khám chữa bệnh. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bệnh đạt được nhiều giải thưởng về đổi mới, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong thực hành lâm sàng, được nhiều tổ chức chuyên môn uy tín trên thế giới cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.

Khoa Xét nghiệm BV ĐHYD có đủ năng lực về cơ sở vật chất, thiết bị và nhân lực đáp ứng được chức năng, nhiệm vụ của Bộ Y tế và Giám đốc Bệnh viện giao phó, cung cấp các dịch vụ xét nghiệm liên quan đến các lĩnh vực Huyết học, Sinh hóa, Vi sinh, Sinh học phân tử có chất lượng theo phân tuyến của một bệnh viện hạng I.

Khoa Xét nghiệm hoạt động với phương châm “Thực hiện đầy đủ các xét nghiệm cơ bản đến các xét nghiệm chuyên sâu, luôn cập nhật triển khai các kỹ thuật mới, hiện đại phục vụ cho chẩn đoán và điều trị. Đảm bảo chất lượng xét nghiệm **CHÍNH XÁC - TIN CẬY - KỊP THỜI**”.

Khoa đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thực hiện nhiều yêu cầu xét nghiệm trong cùng một thời điểm nhưng vẫn

đảm bảo kết quả chính xác, kịp thời cho từng cá nhân. Với sự tận tâm trong công việc cùng nhiệt huyết làm nghề, Khoa Xét nghiệm đã phối hợp nhịp nhàng cùng các khoa chuyên môn tại Bệnh viện để tạo thành quy trình thăm khám, điều trị nhanh chóng, khoa học, tiết kiệm tối đa thời gian cho cả người bệnh và người nhà.

Thế mạnh đội ngũ nhân sự

Công tác xét nghiệm hiện nay không chỉ giúp các bác sĩ chẩn đoán chính xác bệnh để điều trị kịp thời mà còn có thể dự báo sớm nguy cơ qua việc phát hiện bệnh sớm. Trên thực tế, có những kết quả xét nghiệm đã được xem như tiêu chuẩn vàng giúp cho các bác sĩ đưa ra quyết định đúng đắn, mang lại hiệu quả trong điều trị và phục hồi chức năng cho người bệnh.

Để đảm bảo chất lượng hoạt động, Khoa Xét nghiệm chú trọng đầu tư vào yếu tố con người với đội ngũ nhân lực là các bác sĩ, kỹ thuật viên xét nghiệm có trình độ chuyên môn cao, am hiểu các trang thiết bị xét nghiệm hiện đại và không ngừng cập nhật nhiều kỹ thuật mới trên thế giới.

Thế mạnh chuyên môn

Khoa Xét nghiệm thực hiện các dịch vụ xét nghiệm theo yêu cầu của người bệnh và chỉ định của bác sĩ bao gồm nhiều loại xét nghiệm như: Chức năng gan, thận, lipid máu, protein máu, nước tiểu, huyết học, tuyến giáp, tuyến yên,... với hệ thống phân tích tự động giúp cho bác sĩ có chẩn đoán nhanh chóng. Ngoài ra, khoa còn cung cấp dịch vụ xét nghiệm về hóa sinh, huyết học, truyền máu, vi sinh miễn dịch, vi ký sinh, sinh học phân tử; Cung cấp dịch vụ gửi mẫu, trả kết quả xét nghiệm và hỗ trợ tích cực các phòng xét nghiệm tại bệnh viện, trung tâm y tế trên cả nước.

Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác trong kết quả xét nghiệm, Khoa Xét nghiệm còn chuẩn hóa các quy trình kiểm định chất lượng như:

- Hệ thống quản lý chất lượng và các quy trình thao tác chuẩn SOP: Hóa sinh - Huyết học - Vi sinh miễn dịch - Sinh học phân tử.
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 15189: 2012 giúp đảm bảo kết quả xét nghiệm luôn được chính xác.
- Tham gia các chương trình ngoại kiểm tra chất lượng trong nước và quốc tế như EQAS, RIQAS, RCPA, Serology NRL EQAS.



Thế mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản trị, hợp tác và chuyên gia

Để người bệnh được điều trị toàn diện với dịch vụ y tế đạt chất lượng tốt nhất, Khoa Xét nghiệm không ngừng chuẩn hóa, nghiên cứu và phát triển trên cả ba lĩnh vực Chuyên môn – Nghiên cứu – Giảng dạy một cách đồng bộ và có tính thực tiễn.

Trong nghiên cứu khoa học, khoa tham gia chủ trì, thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Sở khoa học công nghệ Tp. Hồ Chí Minh, cấp cơ sở về việc phát triển các công nghệ xét nghiệm mới. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học của khoa được giới chuyên môn đánh giá cao như các nghiên cứu về đột biến gen trong bệnh lý ung thư, bệnh di truyền, nghiên cứu điều trị kháng sinh trong nhiễm khuẩn huyết,...

Về lĩnh vực đào tạo, khoa liên tục thực hiện các chương trình tập huấn tại bệnh viện và tập huấn nội bộ cho nhân viên, xây dựng các chương trình đào tạo liên tục theo tiêu chuẩn bệnh viện, chuyên ngành xét nghiệm và các hiệp hội quốc tế.

Với vị trí là một trong những đơn vị đầu tiên đạt chuẩn 4 sao của chứng nhận SLMTA, Khoa Xét nghiệm còn hỗ trợ tư vấn về chuyên

môn và quản lý chất lượng xét nghiệm hướng tới công nhận ISO 15189 cho các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện.

Trang thiết bị tiên tiến phục vụ công tác khám chữa bệnh

Với mục tiêu hơn 2.000.000 lượt khám hằng năm được phục vụ chất lượng tốt nhất, Khoa Xét nghiệm xây dựng 3 khu vực lấy mẫu bệnh phẩm theo yêu cầu chỉ định. Nhằm rút ngắn thời gian người bệnh chờ kết quả nhưng vẫn giữ được độ chính xác tối ưu, khoa triển khai robot hỗ trợ dán và chuyển thông tin người bệnh, thiết lập hệ thống chuyển mẫu bệnh phẩm liên tầng, các bác sĩ và kỹ thuật viên chỉ cần 30 giây để nhận bệnh phẩm từ khu vực lấy mẫu.

Bên cạnh đó, việc phát triển các công nghệ mới, hiện đại cũng được Khoa Xét nghiệm đẩy mạnh, nổi bật là hệ thống sinh học phân tử tự động Alinity m, cobas 8000, giải pháp IT Cobas infinity, hệ thống huyết học tự động Sysmex XN9000, hai hệ thống lấy mẫu dán mã vạch mẫu tự động BC ROBO 8000 và 8001,... Mặc dù không thăm khám trực tiếp, nhưng nhờ vào những phát hiện của khoa mà người bệnh được điều trị đúng hướng, toàn diện và kịp thời.





Thành tựu chuyên môn và giải thưởng đạt được

Khoa Xét nghiệm đã đạt chứng nhận ISO 15189:2012 bao gồm 48 chỉ tiêu trên 3 lĩnh vực hóa sinh, huyết học, vi sinh miễn dịch. Đồng thời trong Tiêu chí đánh giá mức chất lượng Phòng Xét nghiệm (Ban hành kèm theo Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2017) của Bộ Y tế, khoa đã đạt chất lượng 4 sao vào năm 2017, đưa BV ĐHYD trở thành một trong những cơ sở có chất lượng xét nghiệm hàng đầu quốc gia.



Giới thiệu Sổ tay Khách hàng (Hướng dẫn lấy mẫu)

Sổ tay khách hàng (Hướng dẫn lấy mẫu) giới thiệu tổng quát các hoạt động và các dịch vụ tại Khoa xét nghiệm. Sổ tay cũng đề cập đến những hướng dẫn nhanh dành cho tất cả những người sử dụng dịch vụ xét nghiệm và các nhân viên y tế.

- Sổ tay khách hàng (Hướng dẫn lấy mẫu) là tài liệu được kiểm soát trong hệ thống quản lý chất lượng của Khoa Xét nghiệm.
- Tất cả dịch vụ của Khoa Xét nghiệm luôn được xem xét liên tục thông qua việc kiểm tra chất lượng và đánh giá nội bộ định kỳ hằng năm.

Chính sách chất lượng “Chính xác - Tin cậy - Kịp thời”

BV ĐHYD và nhân viên Khoa Xét nghiệm cam kết thực hiện, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng của Khoa Xét nghiệm nhằm thỏa mãn cao nhất nhu cầu của người bệnh thông qua:

AN TOÀN



Cung cấp dịch vụ y tế với mức độ an toàn cao nhất, hạn chế tới mức thấp nhất các nguy cơ rủi ro cho người bệnh và nhân viên y tế.

HIỆU QUẢ



Kết quả xét nghiệm chính xác, tin cậy, kịp thời, thỏa mãn sự hài lòng của người bệnh, khách hàng trong và ngoài Bệnh viện. Sử dụng và phát huy tối ưu nguồn lực, đảm bảo quản lý đạt hiệu quả cao nhất về chuyên môn, kinh tế và xã hội.

CẢI TIẾN LIÊN TỤC



Chủ động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tích cực đầu tư và triển khai ứng dụng các kỹ thuật mới; không ngừng cải tiến chất lượng theo các yêu cầu của Bộ Y tế và tiêu chuẩn chất lượng ISO 15189:2012.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Đảm bảo nguồn nhân lực được đào tạo về chuyên môn và quản lý; thiết bị y tế đáp ứng và theo kịp phát triển của y học hiện đại.

Thông tin liên lạc



BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH (CƠ SỞ 1)

- Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3855 4269
- Website: <http://www.bvdaihoc.com.vn>
- Email: bvdhyd@umc.edu.vn



PHÒNG TÀI CHÍNH KÊ TOÁN

Liên hệ về chi phí, thanh toán xét nghiệm và hợp đồng xét nghiệm

- Vị trí: Lầu 4, khu A
- Điện thoại: (028) 3952 5251



KHOA XÉT NGHIỆM

Hoạt động 24/24 kể cả ngày nghỉ và ngày lễ

- Vị trí: Lầu 6, khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3952 5618
- Email: xetnghiem@umc.edu.vn



TỔ LẤY MẪU BỆNH PHẨM

Hoạt động từ thứ Hai đến thứ Sáu (04h00 -16h30),
thứ Bảy (04h00 -12h00)

- Lầu 1, khu A: (028) 3855 7183
- Tầng trệt, khu B: (028) 3855 5289
- Lầu 1, khu B: (028) 3855 5290

Phiếu chỉ định xét nghiệm

Bác sĩ điều trị phải hoàn thành phiếu chỉ định xét nghiệm dưới dạng điện tử bao gồm các thông tin sau:

Thông tin người bệnh

Họ và tên

Năm sinh

Giới tính

Số nhập viện (ID)

Địa chỉ

Số điện thoại liên lạc

Chẩn đoán lâm sàng hoặc tiền sử đặc biệt (nếu có)

Thông tin chỉ định xét nghiệm

Tên xét nghiệm

Yêu cầu xét nghiệm khẩn (nếu có)

Tên và chữ ký của bác sĩ chỉ định xét nghiệm

Thông tin về mẫu

Loại mẫu bệnh phẩm và vị trí lấy mẫu (dịch cơ thể...);

Thời gian lấy mẫu và tên nhân viên lấy mẫu;

Quy trình thu thập mẫu bệnh phẩm

1. Nguyên tắc thu thập mẫu bệnh phẩm

- Xác định đúng người bệnh trước khi tiến hành lấy mẫu bệnh phẩm.
- Chuẩn bị người bệnh phù hợp với yêu cầu xét nghiệm.
- Xác định đúng loại xét nghiệm, loại ống chứa mẫu và thể tích mẫu cần lấy.
- Bảo quản và vận chuyển mẫu đúng cách và đúng thời gian theo quy định.
- Tuân thủ nguyên tắc đảm bảo an toàn sinh học (ATSH) khi lấy mẫu:
 - + Nhân viên lấy mẫu phải mặc áo blouse, đội nón, đeo khẩu trang và găng tay khi tiếp xúc với người bệnh
 - + Chuẩn bị sẵn các dụng cụ và vật tư tiêu hao tại bàn lấy mẫu bệnh phẩm và khu vực lấy mẫu bệnh phẩm theo danh mục quy định
 - + Rửa tay trước khi lấy mẫu bệnh phẩm và sau khi hoàn tất ca làm việc.
 - + Loại bỏ chất thải theo quy định

2. Hướng dẫn lấy mẫu bệnh phẩm

2.1. Chuẩn bị dụng cụ lấy mẫu

- Dung dịch sát khuẩn
- Găng tay, khẩu trang
- Bộ lấy máu chân không (Bơm tiêm)
- Tube ống nghiệm
- Kim chích (lancet)
- Lọ đựng mẫu bệnh phẩm (phân, dịch, nước tiểu...)
- Tấm bông vô khuẩn
- Garo, giá đựng ống nghiệm, hộp đựng sắc nhọn, túi rác...
- Thùng vận chuyển mẫu có nắp đậy

2.2. Chuẩn bị người bệnh

- Hướng dẫn người bệnh trước khi lấy mẫu (các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện xét nghiệm)
 - + Tình trạng nhịn đói trước khi lấy máu: Đường huyết: nhịn đói \geq 8 giờ; Triglyceride, cholesterol: nhịn đói tối thiểu 10 giờ và \leq 14 giờ; Amoniac, uric acid, urea máu: nhịn đói 4-6 giờ.
 - + Không được hút thuốc lá, cà phê: Ít nhất 1 giờ trước khi lấy máu.
 - + Không được vận động thể lực quá mạnh: Tập thể hình... ít nhất 8 giờ trước khi lấy máu.
 - + Xét nghiệm nước tiểu: Tốt nhất lấy mẫu lúc sáng sớm khi mới ngủ dậy.

+ Xét nghiệm đặc biệt: Cặn addis, nước tiểu 24h phát tở hương dẫn và hương dẫn người bệnh chu đảo.

- Đối với người bệnh thực hiện nghiệm pháp dung nạp Glucose bằng đường uống:

+ Người bệnh ăn uống bình thường (không ăn kiêng) ít nhất 03 ngày trước khi làm nghiệm pháp. Nhịn đói từ 10 giờ đêm cho đến sáng trước khi làm nghiệm pháp.

+ Không vận động gắng sức trước khi làm nghiệm pháp.

+ Không làm nghiệm pháp nếu đang bị bệnh cấp tính hoặc đã chẩn đoán đái tháo đường bằng đường huyết đói.

- Xét nghiệm Prolactin cần nghỉ ngơi 20 phút trước khi lấy máu

- Xét nghiệm Cortisol cần tuân thủ đúng giờ xét nghiệm do bác sĩ chỉ định: Sáng: 7-9h; Chiều 16h-18h; Cortisol bất kỳ.

- Xét nghiệm ACTH phải lấy máu trước 10h sáng.

2.3. Kiểm tra phiếu yêu cầu xét nghiệm

- Theo thông tin yêu cầu ở nội dung phía trên.

2.4. Tiến hành lấy máu

Các bước thực hiện

- Rửa tay thường quy và mang găng sạch

- Cho người bệnh ngồi tựa lưng vào thành ghế

- Tìm vị trí lấy máu thích hợp

- Buộc dây garo cách vị trí lấy máu 10-15cm không quá 2 phút

- Sát khuẩn vị trí lấy máu theo hình xoắn ốc từ trong ra ngoài

- Lấy đủ lượng máu cần thiết (bằng bơm tiêm hoặc bằng ống hút chân không)

- Tháo dây garo, rút kim ấn que gòn ngay vị trí vừa rút

- Cho kim vào bình hủy kim, bơm máu nhẹ nhàng vào thành ống nghiệm theo thứ tự quy định.

- Đậy nắp ống nghiệm, trộn lẫn nhẹ nhàng bằng cách xoay xuống-xoay lên theo số lần quy định.

- Dán băng keo.

- Dán đúng mã vạch cho tube máu, sau đó để lên giá.

- Bỏ rác đúng quy định.

- Dọn dẹp dụng cụ ngăn nắp.

Thể tích mẫu xét nghiệm:

- Sinh hóa – Miễn dịch: 2mL - 4mL

- Huyết học – Đông máu: 2mL

- Huyết thanh: 2mL - 4mL

- Chimigly: 2mL

- IGRA: 1mL

Thứ tự lấy máu:

Chai cấy máu → ống citrate → ống serum máu đông → ống QuantiFERON(Xám - xanh - vàng - tím) → ống heparin sinh hóa → ống heparin miễn dịch → ống EDTA → ống chimigly.

2.5. Hướng dẫn lấy nước tiểu tươi

- Gửi người bệnh ống đựng nước tiểu đã dán code.
 - Hướng dẫn người bệnh lấy nước tiểu:
 - + Vệ sinh bộ phận sinh dục trước khi lấy nước tiểu.
 - + Lấy nước tiểu vào buổi sáng là tốt nhất.
 - + Lấy nước tiểu giữa dòng: bỏ nước tiểu phần đầu, lấy lượng nước tiểu tiếp theo đổ vào ống khoảng 2mL
 - + Người bệnh đem mẫu đến Tổ tiếp nhận bệnh phẩm
- Lưu ý: không lấy nước tiểu trong thời gian hành kinh.

2.6. Hướng dẫn lấy nước tiểu 24h

- Khoa Xét nghiệm cung cấp 1 bình nhựa sạch có nắp đậy 5 lít cho người bệnh
- Ghi tên người bệnh, ngày thực hiện, giờ bắt đầu - giờ kết thúc lên thành bình.
- Nước tiểu lấy trong 24h giờ: 6 giờ sáng đi tiểu bỏ hết, sau đó bắt đầu giữ nước tiểu trong bình cho đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.
- Mang cả bình nước tiểu đến Tổ tiếp nhận bệnh phẩm.

Lưu ý:

- Đối với một số xét nghiệm: Catecholamine, Metanephrine, Aldosterone cần chất bảo quản do phòng xét nghiệm cung cấp.
- Không lấy nước tiểu khi phụ nữ đang hành kinh.
- Vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài trước khi đi tiểu.

2.7. Hướng dẫn lấy cặn addis

- Kiểm tra thông tin người bệnh và chỉ định xét nghiệm cặn addis.
- Người bệnh chuẩn bị 1 bình sạch khoảng 2 lít.
- 6 giờ sáng đi tiểu bỏ hết, sau đó uống 200-300ml nước lọc.
- Giữ lấy toàn bộ nước tiểu từ 6 giờ - 9 giờ cùng ngày.
- 9 giờ đi tiểu lần cuối, đổ tất cả nước tiểu vào bình và đem đến phòng nhận mẫu bệnh phẩm.

Lưu ý:

- Không lấy nước tiểu khi phụ nữ đang hành kinh.
- Nên vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài trước khi đi tiểu.

2.8. Hướng dẫn lấy phân

- Phát lọ đựng phân có dán mã vạch xét nghiệm cho người bệnh.
- Hướng dẫn người bệnh lấy phân:
 - + Lấy phân 1 muống có sẵn trong lọ. Đậy nắp lọ phân, vặn chặt.
 - + Không để phân lẫn nước tiểu.
 - + Chọn chỗ phân nhầy, máu, lợn cợn trắng, lỏng.
- Sau khi lấy phân người bệnh đậy kín lọ, đem đến Tổ tiếp nhận bệnh phẩm.

2.9. Hướng dẫn lấy tinh trùng đồ

Hướng dẫn người bệnh cách lấy tinh dịch:

- Kiên giao hợp trong vòng 3 - 5 ngày.
- Cách lấy tinh dịch:
 - + Tự làm xuất tinh.
 - + Hoặc giao hợp.
 - + Lấy toàn bộ dịch không bỏ sót giọt nào cho vào lọ.
 - + Tuyệt đối không lấy trong bao cao su.
 - + Đem đến phòng xét nghiệm không quá 40 phút sau khi lấy mẫu.

Hướng dẫn người bệnh điền phiếu thông tin khi giao mẫu tinh dịch.

- Họ tên vợ..... Tuổi vợ.....
- Thời gian kiên giao hợp..... (bình thường 3 - 5 ngày).
- Thời gian lấy mẫu.....

Lưu ý: Vệ sinh bộ phận sinh dục, vệ sinh tay không dùng xà phòng trước khi lấy mẫu.

2.10 Lấy mẫu dịch não tủy

- Mẫu dịch não tủy chỉ được các bác sĩ lâm sàng có kinh nghiệm lấy mẫu hoặc theo quy trình thực hiện tại Bệnh viện. Thể tích tối thiểu 0.5mL.

2.11 Lấy máu mao mạch

- Sát khuẩn vùng định lấy, chờ khô: Người lớn là ngón tay áp út (ngón nhẫn), trẻ em ở gót chân, đầu ngón chân cái...
- Bóp căng phía dưới vị trí cần lấy.
- Đâm lancet nhanh và dứt khoát (sâu 2mm).
- Lấy máu từ giọt thứ 2 trở đi vào ống nghiệm lấy mẫu tương ứng. Ngay lập tức, lắc trộn ống mẫu nhẹ nhàng.
- Dùng que gòn để nhẹ lên chỗ chích máu để máu ngừng chảy.
- Ghi tên và dán nhãn xét nghiệm và gửi tới phòng xét nghiệm trong vòng 30 phút sau khi lấy
- Thu dọn dụng cụ.

2.12 Lấy mẫu khí máu động mạch

- Thực hiện bởi bác sĩ/điều dưỡng được đào tạo lấy khí máu động mạch
- Loại mẫu: máu toàn phần chứa trong ống tiêm 1mL trắng Heparin
- Vị trí mẫu: động mạch nông và có hệ thống tuần hoàn bàng hệ tốt (động mạch quay, động mạch trụ, động mạch bẹn)
- Vận chuyển đến Khoa Xét nghiệm trong vòng 15 phút.

2.13 Lấy mẫu bệnh phẩm đường hô hấp

Với mỗi người bệnh nghi nhiễm Sars-CoV-2, loại mẫu bệnh phẩm thu thập như sau: 01 mẫu đường hô hấp (hoặc dịch họng + dịch tỵ hầu (trong cùng 1 tuýp môi trường vận chuyển (MTVC)) hoặc dịch nội khí quản.

Dịch ngoáy họng

- Yêu cầu người bệnh ngồi yên, mặt hơi ngửa, há miệng to
- Dùng dụng cụ đè nhẹ nhàng lưỡi người bệnh
- Đưa tăm bông vào vùng hầu họng, miết và xoay tròn nhẹ 3 đến 4 lần tại khu vực 2 bên vùng a-mi-đan và thành sau họng để lấy được dịch và tế bào vùng họng.
- Sau khi lấy bệnh phẩm, que tăm bông được chuyển vào ống chứa 3ml MTVC vi rút. Đầu tăm bông phải ngập hoàn toàn trong MTVC. Nếu que tăm bông dài hơn ống đựng MTVC thì cần bẻ cán tăm bông cho phù hợp với độ dài của ống.
- Đóng nắp tuýp MTVC, siết chặt.

Dịch tỵ hầu

- Yêu cầu người bệnh ngồi yên, mặt hơi ngửa, trẻ nhỏ thì phải có người lớn giữ
- Nghiêng đầu người bệnh ra sau khoảng 70 độ, 1 tay đỡ phía sau cổ người bệnh.
- Đưa nhẹ nhàng tăm bông vào 1 bên mũi, vừa đẩy vừa xoay giúp tăm bông đi dễ dàng vào sâu khoảng bằng $\frac{1}{2}$ độ dài từ cánh mũi đến dát tai cùng phía.
- Lưu ý: nếu chưa đạt được độ sâu như vậy mà cảm thấy có lực cản rõ thì rút tăm bông ra và lấy bên mũi còn lại. Khi cảm thấy tăm bông chạm vào thành sau họng mũi thì dừng lại, xoay tròn rồi từ từ rút tăm bông ra.
- Giữ tăm bông tại chỗ lấy mẫu trong vòng 5 giây để đảm bảo dịch thấm tối đa.
- Từ từ xoay và rút tăm bông ra.
- Đặt đầu tăm bông vào ống đựng bệnh phẩm có chứa MTVC và bẻ

cán tăm bông để có độ dài phù hợp với ống chứa MTVC

- Que tăm bông sau khi lấy dịch tỵ hầu sẽ được để chung vào ống môi trường chứa que tăm bông lấy dịch ngoáy họng.
- Đóng nắp tuýp MTVC, siết chặt. (Có thể bọc tuýp bằng giấy parafin).
- Lưu ý khi lấy mẫu bệnh phẩm dịch họng hoặc dịch tỵ hầu của trẻ nhỏ, đặt trẻ ngồi lên đùi của người lớn giữ trẻ, phần cơ thể và tay của trẻ cần giữ chặt, người giữ trẻ ngả đầu trẻ ra phía sau.

Dịch nội khí quản

- Dịch nội khí quản được thu thập đối với những người bệnh đang thở máy, đã được đặt nội khí quản. Dùng 1 ống vô trùng hút dịch, đặt theo đường nội khí quản rồi hút dịch theo đường ống đã đặt (khoảng 1 -2ml). Cho dịch nội khí quản vào tuýp chứa MTVC bảo quản vi rút.
- Trong trường hợp không thể lấy được các loại mẫu bệnh phẩm dịch họng, dịch tỵ hầu, dịch nội khí quản của người bệnh nghi nhiễm SARS-CoV-2, nhân viên lấy mẫu liên hệ với phòng xét nghiệm để có chỉ định về loại mẫu thu thập phù hợp.

2.14. Lấy mẫu mô xét nghiệm giải phẫu bệnh

- BS lâm sàng hướng dẫn người bệnh chuẩn bị trước khi lấy mẫu xét nghiệm Giải phẫu bệnh.
- BS/Phẫu thuật viên lấy mẫu sinh thiết, sau đó cố định bằng Formol buffer 10%, đệm trung tính ngay sau khi sinh thiết trong vòng 30 phút, sau đó mẫu được bàn giao cho khoa Giải phẫu bệnh và có ký nhận.
- Yêu cầu về phiếu chỉ định xét nghiệm:
 - + Chẩn đoán lâm sàng.
 - + Vị trí lấy mẫu bệnh phẩm (nếu u ở nhiều cơ quan hoặc nhiều vị trí khác nhau thì phải ghi rõ trên giấy chỉ định cơ quan nào và vị trí lấy u...).
 - + Nếu có kết quả Giải phẫu bệnh của các lần trước thì phải ghi trên phiếu chỉ định.
- Yêu cầu về mẫu:
 - + Mẫu bệnh phẩm là dịch: ít nhất 5ml
 - + Mẫu bệnh phẩm là mô: thể tích dung dịch formol bảo quản phải đạt 10 - 20 lần thể tích mẫu mô, kích thước mẫu mô tối thiểu 0,1 cm.
 - + Mẫu bệnh phẩm là khối nén (để thực hiện hội chẩn lam, xét nghiệm hóa mô miễn dịch, sinh học phân tử...): phải có kết quả giải phẫu bệnh từ nơi gửi đến, mã số trên khối nén và trên kết quả giải phẫu bệnh từ nơi gửi phải trùng nhau.

Hướng dẫn vận chuyển mẫu

Mẫu bệnh phẩm sau khi thu thập được vận chuyển đến Khoa Xét nghiệm phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đảm bảo về thời gian từ lúc lấy mẫu đến xét nghiệm cho từng chỉ tiêu xét nghiệm:

+ Xét nghiệm thường quy không quá 2 giờ. Xét nghiệm glucose/máu, mẫu huyết tương (plasma) \leq 1 giờ. Mẫu serum, dịch \leq 2 giờ, ACTH (Bảo quản lạnh) $<$ 30 phút, NH₃ $<$ 30 phút.

+ Các mẫu xét nghiệm khí máu động mạch, PFA100, đếm tế bào (dịch, cặn Addis) chuyển ngay đến Khoa Xét nghiệm.

- Đảm bảo về nhiệt độ:

+ Mẫu bệnh phẩm nội viện bảo quản ở nhiệt độ phòng.

+ Mẫu bệnh phẩm ngoại viện sẽ được chuyển đến Khoa Xét nghiệm trong thùng vận chuyển (2-8 độ C), không quá 8 giờ từ lúc lấy mẫu.

- Dụng cụ vận chuyển: Mẫu bệnh phẩm khi vận chuyển đến Khoa Xét nghiệm phải được đặt trong thùng có giá vững chắc và có nắp đậy kính tránh văng ra ngoài khi có đổ ngã. Thùng vận chuyển mẫu bệnh phẩm phải có dấu hiệu cảnh báo an toàn sinh học.

Hướng dẫn vận chuyển mẫu nghiễm SARS-CoV-2

1. Đóng gói mẫu bệnh phẩm

Bệnh phẩm trước khi chuyển đến phòng xét nghiệm phải được đóng gói theo quy định của Tổ chức y tế Thế giới (đóng gói 3 lớp)

- Siết chặt nắp tuýp bệnh phẩm đường hô hấp và tuýp bệnh phẩm máu để đảm bảo mẫu không bị đổ ra ngoài, bọc từng tuýp bệnh phẩm bằng giấy thấm sau đó buộc bằng thun vòng cao su

- Đặt 2 tuýp bệnh phẩm: bệnh phẩm đường hô hấp và bệnh phẩm máu của 1 người bệnh vào túi nilong miệng kín (túi zip), buộc chặt; hoặc đặt trong hộp có nắp kín).

- Trong trường hợp có nhiều mẫu bệnh phẩm: Mỗi mẫu bệnh phẩm của 1 người bệnh (tuýp mẫu bệnh phẩm hô hấp + tuýp mẫu máu) đóng gói trong 1 túi nilong zip, sau đó các túi này được đóng gói chung trong 1 túi nilong zip khác hoặc trong hộp có nắp kín.

- Đặt túi / hộp chứa tuýp bệnh phẩm vào phích lạnh vận chuyển mẫu. Nhiệt độ bảo quản mẫu trong phích lạnh phải được duy trì ở 2-8 độ C trong suốt quá trình vận chuyển đến phòng xét nghiệm.

2. Bảo quản mẫu bệnh phẩm

- Mẫu bệnh phẩm đường hô hấp được bảo quản ở nhiệt độ 2-8 độ C hoặc -70 độ C. Mẫu bệnh phẩm được bảo quản ở nhiệt độ 2-8 độ C nếu mẫu được chuyển đến phòng thí nghiệm trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm thu thập mẫu; nếu thời gian dự kiến chuyển đến phòng thí nghiệm sau 48 giờ kể từ thời điểm thu thập mẫu, bệnh phẩm được bảo quản ở nhiệt độ - 70 độ C.

- Mẫu bệnh phẩm máu toàn phần có thể bảo quản ở nhiệt độ 2-8 độ C trong 5 ngày.

3. Vận chuyển mẫu bệnh phẩm đến phòng thí nghiệm

- Mẫu được vận chuyển đến phòng thí nghiệm trong thời gian sớm nhất có thể, không quá 48 giờ sau khi thu thập.

- Trong quá trình vận chuyển mẫu, cần đảm bảo nhiệt độ bảo quản mẫu trong phích lạnh là 2-8 độ C, đảm bảo dung dịch MTVC trong tuýp mẫu bệnh phẩm không bị đổ ra ngoài.

- Mẫu bệnh phẩm và Phiếu yêu cầu xét nghiệm phải được gửi đồng thời đến phòng thí nghiệm. Phải đảm bảo thông tin trên Phiếu yêu cầu xét nghiệm trùng với thông tin trên tuýp bệnh phẩm.

- Khoa xét nghiệm tiếp nhận các mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2 gửi từ các đơn vị y tế khác và mẫu nội viện.

Tiêu chuẩn chấp nhận và từ chối mẫu

Khoa Xét nghiệm chỉ nhận mẫu bệnh phẩm đáp ứng các tiêu chí sau:

- Đầy đủ thông tin trên phiếu chỉ định xét nghiệm.
- Mẫu bệnh phẩm được chứa trong ống nghiệm phù hợp với yêu cầu xét nghiệm.
- Chất lượng mẫu đạt: đủ thể tích ($\pm 10\%$), không tiêu huyết, không đông...
- Thời gian từ khi lấy mẫu bệnh phẩm đến khi mẫu được mang đến Khoa Xét nghiệm được quy định trong “Danh mục xét nghiệm” của Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm.

Nếu mẫu bệnh phẩm bị từ chối do không đáp ứng đủ các tiêu chí trên thì Khoa Xét nghiệm có trách nhiệm báo ngay cho nơi gửi mẫu yêu cầu lấy mẫu lại và ghi chú vào mục từ chối mẫu. Trường hợp đối với người bệnh nguy kịch, không thể thu thập lại mẫu, bác sĩ yêu cầu xét nghiệm thì Khoa Xét nghiệm sẽ thực hiện xét nghiệm và ghi chú “Thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu” trên hệ thống “Phần mềm quản lý kết quả xét nghiệm”.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm

1. Xét nghiệm huyết học

- Mẫu máu bị tiêu huyết sẽ làm sai kết quả dòng hồng cầu
- Mẫu máu có triglyceride cao > 266 mg/dL, Bilirubin > 60 mg/dL, Hemoglobin tăng cao sẽ làm sai số các xét nghiệm đông máu.
- Mẫu máu không được trộn đều sau khi lấy máu sẽ có thể là nguyên nhân giảm tiểu cầu và sai số các thành phần tế bào khác.
- Mẫu máu có HCT $< 28\%$ hoặc quá cao $> 50\%$, tiểu cầu $< 100G/L$ ảnh hưởng đến kết quả chức năng tiểu cầu.
- Không được hút thuốc lá ít nhất 1 giờ trước khi lấy mẫu máu vì làm tăng carboxyhemoglobin, Hb, hồng cầu, bạch cầu.

2. Xét nghiệm sinh hóa

- Chế độ ăn: Theo hướng dẫn mục 6.2.2

Chính sách bảo mật thông tin

Toàn bộ nhân viên, lãnh đạo Bệnh viện cam kết thực hiện y đức nghề nghiệp. Tuân thủ quy định về Y Đức ban hành theo quyết định số 2088/BYT-QĐ ngày 6 tháng 11 năm 1996 của Bộ Y tế.

Ban lãnh đạo Khoa Xét nghiệm chịu trách nhiệm việc trao đổi các thông tin và bảo mật tất cả các kết quả xét nghiệm, chỉ giao kết quả xét nghiệm cho chính người yêu cầu xét nghiệm. Không cung cấp số liệu, kết quả xét nghiệm cho các đối tượng khác khi chưa có chỉ thị của Giám đốc Bệnh viện.

Nhân viên Khoa Xét nghiệm không tự ý cho bất kỳ cá nhân hoặc đơn vị khác xem kết quả xét nghiệm và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Khoa xét nghiệm.

Tất cả viên chức, người lao động Khoa Xét nghiệm phải làm tờ cam kết thực hiện các quy định về y đức và “Cam kết thực hiện các quy định y đức và bảo mật thông tin”.

Dịch vụ tư vấn và giải quyết phản hồi của khách hàng

Bệnh viện có phòng tư vấn có Bác sĩ tư vấn kết quả xét nghiệm trong giờ hành chính hoàn toàn miễn phí.

Khoa Xét nghiệm hoạt động 24/24 luôn có nhân viên trực để tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của khách hàng. Khi có nhu cầu tư vấn hay phàn nàn về kết quả xét nghiệm hay các hoạt động có liên quan đến xét nghiệm, người bệnh vui lòng liên hệ:



- **Vị trí:** Tầng trệt khu B
- **Điện thoại:** (028) 3855 4269 - 5123

- **Điện thoại Kỹ thuật viên trưởng:** (028) 3952 5610
- **Điện thoại Tổ trưởng tổ lấy mẫu bệnh phẩm:** (028) 3952 7183
- **Đường dây nóng Bệnh viện:** (028) 3856 3105
- **Email:** xetnghiem@umc.edu.vn

Phụ lục 1. Mục lục các bộ xét nghiệm

1. Xét nghiệm thường qui

- | | |
|-----------------------------|------------------------------------------|
| - Tổng phân tích tế bào máu | - Triglycerides |
| - Glucose | - Tổng phân tích nước tiểu |
| - AST(SGOT) | - Soi cận lẳng nước tiểu |
| - ALT(SGPT) | - Ion đồ |
| - Ure | - Protein |
| - Creatinin | - Albumin |
| - Cholesterol | - ALP |
| - LDL-C | - Bilirubin (toàn phần, tự do, liên hợp) |
| - HDL-C | |

2. Xét nghiệm chức năng gan

- | | |
|------------------------------------------|----------------------------------|
| - Bilirubin (toàn phần, tự do, liên hợp) | - Tổng phân tích tế bào máu |
| - AST(SGOT) | - PT |
| - ALT(SGPT) | - Viêm gan siêu vi HAV, HBV, HCV |
| - ALP | - Ferritin |
| - GGT | - Ceruloplasmin |
| - Protein | - AMA-Citrate |
| - Albumin | - Amoniac (NH ₃) |
| - Cholesterol | • Chẩn đoán viêm gan |
| - Tổng phân tích tế bào máu | - Các XN chức năng gan |
| - PT | - PT |
| - Ferritine | - Viêm gan siêu vi HAV, HBV, HCV |
| • Chẩn đoán xơ gan | - Ferritin |
| - Các xét nghiệm chức năng gan | - Ceruloplasmin |
| - AFP | - ANA, LKM-1 |

3. Xét nghiệm chức năng thận

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| - Ure | - Soi cận lẳng nước tiểu |
| - Creatinin | - Micro albumin niệu |
| - NGAL | - Ion đồ (Na, K, Ca, Cl) |
| - Tổng phân tích tế bào máu | - Acid uric |
| - Tổng phân tích nước tiểu | |

4. Xét nghiệm viêm gan siêu vi A, B, Cn

- **Hepatitis A**

- Anti-HAV – Total
- Anti-HAV – IgG
- Anti-HAV – IgM

- **Hepatitis B**

- HbsAg (Định tính – Định lượng)
- Anti HBs
- Anti Hbc – Total

- HbeAg

- Anti Hbe

- **Hepatitis C**

- Anti HCV
- HCV Ag (Định lượng)

DNA PROFILES

- **Hepatitis B**

- HBV-DNA (Định tính)
- Định lượng virus viêm gan B (HBV)
- HBV đột biến kháng Lamivudine
- HBV Genotype
- HBV-DNA CAP.T48

- **Hepatitis C**

- HCV-RNA (Định tính)
- Định lượng virus viêm gan C (HCV)
- HCV Genotype
- HCV-RNA CAP.T48
- Xét nghiệm xác định genotype SNP trên vùng gen IL28B của người

5. Xét nghiệm chức năng tuyến giáp

- TSH

- T3

- T4

- Free T3

- Free T4

- Anti Thyroglobulin

- Thyroglobulin

- Anti TPO

- TRAb

- PTH

- Calcitonin

- Cholesterol total

6. Xét nghiệm đái tháo đường

- Glucose (đói, sau ăn 2h)

- HbA1C

- Fructosamine

- Anti – GAD

- ICA

- Insulin

- Micro Albumin/nước tiểu

- Tổng phân tích nước tiểu

- C-peptide

- Cetone/máu

- Xét nghiệm chức năng thận

7. Tuyển nội tiết

<ul style="list-style-type: none">• Tuyến yên	<ul style="list-style-type: none">- Cortisol máu, nước tiểu 24h
<ul style="list-style-type: none">- ADH	<ul style="list-style-type: none">- Metanephrine
<ul style="list-style-type: none">- Hgh	<ul style="list-style-type: none">- DHEA Sulfate
<ul style="list-style-type: none">- ACTH	<ul style="list-style-type: none">• Buồng trứng
<ul style="list-style-type: none">- TSH	<ul style="list-style-type: none">- Estrogen
<ul style="list-style-type: none">- FSH	<ul style="list-style-type: none">- Progesterone
<ul style="list-style-type: none">- LH	<ul style="list-style-type: none">• Tinh hoàn
<ul style="list-style-type: none">- Prolactin	<ul style="list-style-type: none">- Testosterone
<ul style="list-style-type: none">- IGF1	<ul style="list-style-type: none">• Tuyến tụy
<ul style="list-style-type: none">• Tuyến thượng thận	<ul style="list-style-type: none">- Insulin
<ul style="list-style-type: none">- Adrenalin	<ul style="list-style-type: none">- Lipase
<ul style="list-style-type: none">- Aldosterone	<ul style="list-style-type: none">- Amylase máu

8. Xét nghiệm bệnh dạ dày

<ul style="list-style-type: none">- H.Pylori	<ul style="list-style-type: none">- CA72-4
<ul style="list-style-type: none">- Test hơi thở C13	<ul style="list-style-type: none">- Pepsinogen
<ul style="list-style-type: none">- CA 19-9	

9. Xét nghiệm chức năng tim mạch

<ul style="list-style-type: none">• Xét nghiệm tim mạch chung	<ul style="list-style-type: none">• Bệnh lý huyết học
<ul style="list-style-type: none">- CPK	<ul style="list-style-type: none">- D.Dimer
<ul style="list-style-type: none">- CK-MB	<ul style="list-style-type: none">- Homocystein
<ul style="list-style-type: none">- LDH	<ul style="list-style-type: none">- Cardiolipin IgM, IgG
<ul style="list-style-type: none">- SGOT(AST)	<ul style="list-style-type: none">- Protein C
<ul style="list-style-type: none">- Myoglobin	<ul style="list-style-type: none">- Protein S
<ul style="list-style-type: none">- Troponin I hoặc Troponin T	<ul style="list-style-type: none">- Định lượng anti Thrombin III (ATIII)
<ul style="list-style-type: none">- Homocystein	<ul style="list-style-type: none">- Định lượng yếu tố V Leiden
<ul style="list-style-type: none">- CRP hs	<ul style="list-style-type: none">• Nhồi máu cơ tim
<ul style="list-style-type: none">- BNP hoặc Pro BNP	<ul style="list-style-type: none">- LDH
<ul style="list-style-type: none">- Apolipoprotein A-1	<ul style="list-style-type: none">- SGOT(AST)
<ul style="list-style-type: none">- Apolipoprotein B	<ul style="list-style-type: none">- Troponin I hoặc Troponin T
<ul style="list-style-type: none">• Xét nghiệm đánh giá nguy cơ tim mạch	<ul style="list-style-type: none">- CK-MB
<ul style="list-style-type: none">- Homocystein	<ul style="list-style-type: none">- CRP hs
<ul style="list-style-type: none">- CRP hs	<ul style="list-style-type: none">• Suy tim
<ul style="list-style-type: none">- BNP hoặc Pro BNP	<ul style="list-style-type: none">- BNP
	<ul style="list-style-type: none">- hoặc NTproBNP
	<ul style="list-style-type: none">- Digoxin

10. Xét nghiệm cao huyết áp

- | | |
|-------------------|----------------|
| - Metanephrine | - Aldosterone |
| - Renin/máu | - Cortisol/máu |
| - Aldrenaline/máu | |

11. Lipid profile

- | | |
|---------------------|----------------------|
| - Cholesterol total | - Triglycerides |
| - HDL | - Phospholipid |
| - LDL | - Apolipoprotein A-1 |
| - VLDL | - Apolipoprotein B |

12. Xét nghiệm chức năng đông máu

- | | |
|--------------|--------------------------------------------------------------|
| - TQ | - Hoặc bộ xét nghiệm tiền phẫu (TQ, TCK, Fibrinogen, TPTTBM) |
| - TCK | - Protein C |
| - Fibrinogen | - Protein S |
| - D.Dimer | - PFA: CEPI |

13. Xét nghiệm theo dõi thiếu máu

- | | |
|----------------------------|-----------------------|
| Tổng phân tích tế bào máu | Folate |
| Hồng cầu lưới | Vit B12 |
| CRP hs | Tim máu ẩn trong phân |
| Định lượng sắt huyết thanh | Điện di Hb |
| Ferritin | |

14. Điện di

- | | |
|--------------------|---------------------------|
| Điện di Hemoglobin | Định lượng: IgG, IgA, IgM |
| Điện di protein | Điện di miễn dịch cố định |

15. Xét nghiệm dấu ấn ung thư

Bộ ung thư nữ	Pro GRP
CA 125	Calcitonin
HE4	Thyroglobulin
Test ROMA	AFP
CA 15-3	Beta HCG
CA 19-9	CEA
Cyfra 21-1	CA 72-4
NSE	Pepsinogen I và II
Pro GRP	Beta 2 Microglobulin
Calcitonin	Bộ ung thư tinh hoàn
Thyroglobulin	Beta HCG
AFP	AFP
Beta HCG	Bộ ung thư tiền liệt tuyến
CEA	PSA
CA 72-4	Free PSA
Beta 2 Microglobulin	Bộ ung thư tụy
SCC	CA 19-9
Pepsinogen I và II	CEA
Bộ ung thư vú	Bộ ung thư đại trực tràng
CA 15-3	AFP
CEA	CEA
Bộ ung thư buồng trứng	CA 19-9
CA 125	CA 72-4
HE4	Bộ ung thư phổi
Test ROMA	Cyfra 21-1
CEA	CEA
AFP	Bộ ung thư tuyến giáp
Bộ ung thư cổ tử cung	Thyroglobulin
CEA	Calcitonin
SCC	CEA
HPV-Genotype	Bộ ung thư dạ dày
Bộ ung thư nam	CEA
PSA	CA 72-4
Free PSA	Pepsinogen
CA 19-9	H.pylori
Cyfra 21-1	Test hơi thở C13
NSE	

16. Sinh học phân tử

HBV-DNA (Định tính)	HCV Genotype
Định lượng virus viêm gan B (HBV)	HCV-RNA CAP.T48
HBV đột biến kháng Lamivudine	Xét nghiệm xác định genotype
HBV Genotype	SNP trên vùng gen IL28B của người
HBV-DNA CAP.T48	HPV Genotype
HCV-RNA (Định tính)	PCR lao (đàm/dịch/nước tiểu)
Định lượng virus viêm gan C (HCV)	

17. Xét nghiệm bệnh tự miễn

SLE (LE CELL)	Anti Phospholipid (IgM, IgG)
ANA	ANCA Sreen
AMA Citrate	ANA-8 Profiles
LKM-1	Anti CCP
Anti ds-DNA	Anti C1q
Anti Cardiolipin (IgM, IgG)	

18. Xét nghiệm dị ứng

IgE	Rida Panel 4
Rida Panel 1	

19. Xét nghiệm chẩn đoán thuốc gây nghiện

Heroin/Morphine/máu	Bezodiazepam/nước tiểu
Heroin/Morphine/nước tiểu	

20. Huyết thanh chẩn đoán giun sán

Cysticercose	Enchinococcus
Fasciola	Paragonimus
Clonorchis sinensis	Schistosoma Mansoni
Strongyloides	Trichinella
Angiostrongylus cantonensis	Toxoplasma gondii
Gnathostoma	Sero Filariasis Ag
Toxocara	

21. Xét nghiệm bệnh viêm phổi

Tổng phân tích tế bào máu

Cấy đờm

Chlamydia pneumonia (IgM + IgG)

Mycoplasma pneumonia (IgM + IgG)

Legionella pneumonia (IgM + IgG)

22. Bệnh lây truyền qua đường tình dục

Chlamydia trachomatis (IgG, IgM)

HPV Genotype

HSV 1,2 (Herpes Simplex Virus) DNA

RPR định tính

TPHA định tính

HbsAg + anti HCV

HIV

23. Xét nghiệm SARS-COV-2

Xét nghiệm chủng mới của vi rút Corona [SARS-CoV-2 Realtime RT-PCR] mẫu đơn/mẫu gộp

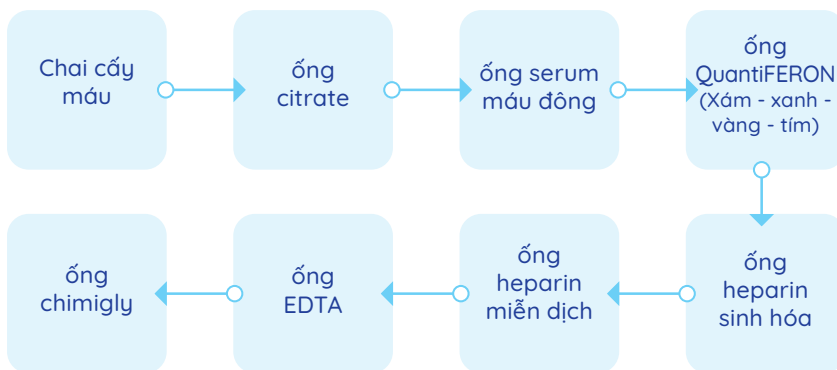
Virus test nhanh [Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu dịch tự hầu]

Phụ lục 2. Thời gian trả kết quả mẫu khẩn và thường quy

TT	Tên loại Xét nghiệm	Thời gian trả kết quả mẫu khẩn (Từ khi nhận được mẫu)	Thời gian trả kết quả thường quy (Từ khi lấy mẫu)
1	Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm laser (Công thức máu)	15 phút	60 phút
2	HCT, Nhóm máu, KST sốt rét (test nhanh), Nước tiểu	40 phút	60 phút
3	Đông máu tiền phẫu, Fibrinogen, đông máu toàn bộ (TQ, TCK, Fibrinogen, TT)	45 phút	60 phút
4	Miễn dịch	60 phút	105 phút
5	Pro BNP, β HCG	30 phút	105 phút
6	Ion đồ	20 phút	60 phút
7	Sinh hóa thường quy	30 phút	60 phút
8	SHPT	Trong ngày hoặc theo Lịch riêng (2-3 ngày làm việc)	
9	Khí máu	Trả kết quả ngay	
10	Virus test nhanh [Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu dịch tỵ hầu] Xét nghiệm chủng mới của vi rút	60 phút	
11	Corona [SARS-CoV-2 Realtime RT-PCR] mẫu đơn/mẫu gộp	4 – 6 giờ	

Phụ lục 3. Thứ tự lấy máu và số lần trộn ống máu

Thứ tự lấy máu










Trộn ống máu: xoay xuống - xoay lên nhẹ nhàng

Ống citrate	3-4 lần
Ống xác định tốc độ lắng máu	3-4 lần
Huyết thanh (ống serum)	5 lần
Ống heparin sinh hóa/miễn dịch	8-10 lần
Ống EDTA	8-10 lần
Ống Chimigly.	8-10 lần
Ống IGRA	Lắc nhẹ nhàng theo phương thẳng đứng 10 lần để toàn bộ bề mặt bên trong của ống máu phải được phủ máu



Phụ lục 4. Các loại ống nghiệm lấy bệnh phẩm

Ống nghiệm	Chất chống đông	Thể tích mẫu	Xét nghiệm
	EDTA	2 mL máu tĩnh mạch	Công thức máu, Nhóm máu, HbA1c, Điện di Hb ACTH, ADH, Adrenalin, Catecholamin, Amoniac, BNP, NTproBNP, G6PD, Pb (chi), Renin (Angiotensin I), Cylosporin, Metanephrine, Sirolimus, Normetanephrine, Tacrolimus, VS Xét nghiệm Sinh học phân tử
	Citrate	2 mL máu tĩnh mạch	Xét nghiệm aPTT(TCK), PT(TQ, INR), Fibrinogen, Yếu tố V, Yếu tố VIII, Anti Thrombin III, Protein S, Protein C, D Dimer, Rotem, Định lượng Anti Xa, TQ hỗn hợp
	Sodium fluoride-kali oxalate (Chimigly)	2 mL máu tĩnh mạch	Xét nghiệm Lactat Xét nghiệm Glucose
	Heparin	2 mL máu tĩnh mạch	Xét nghiệm sinh hóa thường quy Xét nghiệm miễn dịch thường quy
	Không (Serum)	2 mL máu tĩnh mạch	Xét nghiệm miễn dịch còn lại Xét nghiệm sinh học phân tử
	Ống QFT (Heparin) -bộ 4 ống	2 mL máu tĩnh mạch	Xét nghiệm IGRA
	Ống môi trường vận chuyển mẫu VTM	1 mL máu tĩnh mạch	Xét nghiệm tác nhân đường hô hấp (SARS-COV-2, cúm...)

TÂM NHÌN

Trở thành bệnh viện đại học dẫn đầu Việt Nam
và đạt chuẩn quốc tế

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tiên phong - Thấu hiểu - Chuẩn mực - An toàn

SỨ MỆNH

Mang đến giải pháp chăm sóc sức khỏe tối ưu
từ sự tích hợp giữa điều trị, nghiên cứu và
đào tạo

SLOGAN

Thấu hiểu nỗi đau - Niềm tin của bạn